TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 5 năm 2025
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Minh

Ông Trịnh Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao T B, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 0A đường N, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trương M T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, không có tên đường, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Cao T B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và chồng bà là ông Trương M T đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 11 năm 2016 tại Ủy Ban nhân dân phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không yêu thương nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Trương M T.

- Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu tòa xem xét.

- Về tài sản chung: Không có tải sản chung, không yêu cầu tòa xem xét.

- Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu tòa xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Cao T B và ông Trương M T kết hôn với nhau vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Bình và ông Tuấn được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ. Bà B xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, vợ chồng không thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Bà B xác định tình cảm vợ chồng của bà đối với ông T không còn, đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn với ông Trương M T. Đối với ông Trương M T, Toà án đã thông báo cho ông T biết yêu cầu khởi kiện của bà B, ông T nhận văn bản trực tiếp nhưng không có ý kiến phản hồi gửi Toà án. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Cao T B được ly hôn với ông Trương M T.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B xác định không có; Không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Cao T B được ly hôn với ông Trương M T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Cao T B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 26/3/2025 bà Bình đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0010550 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 9, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang